

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 01/2020/TT-
VPCP ngày 21/10/2020

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
XÃ MÊ LINH**

Kỳ báo cáo: Tháng 9 năm 2025
(Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 30/9/2025)

Đơn vị báo cáo:
UBND xã Mê Linh
Đơn vị nhận báo cáo: Trung
tâm Phục vụ hành chính công
Thành phố
Đơn vị tính: Số PAKN

[illegible]

[illegible]

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý									
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
5	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng cộng		4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	4	2	2	1

Biểu số II.6a/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC
XÃ MÊ LINH

Kỳ báo cáo: Tháng 9 năm 2025
(Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 30/9/2025)

Đơn vị báo cáo:
UBND xã Mê Linh
Đơn vị nhận báo cáo: Trung tâm
Phục vụ hành chính công Thành
phố

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

TT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
I	Văn phòng HĐND và UBND	1.189	1.154	0	35	1.177	1.177	0	0	12	12	0
1	Chứng thực	680	680		0	680	680			0		
2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	72	64		8	68	68			4	4	
3	Liên thông về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất	20	19		1	19	19			1	1	

TT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
4	Hộ tịch	417	391		26	410	410			7	7	
II	Phòng Văn hóa - Xã hội	91	80	0	11	84	84	0	0	7	7	0
1	Bảo trợ xã hội	78	69		9	73	73			5	5	
2	Người có công	9	7		2	7	7			2	2	
3	Giáo dục Trung học	4	4			4	4			0		
II	Phòng Kinh tế	289	154	7	128	195	195	0	0	94	94	0
1	Đất đai	267	146		121	177	177			90	90	
2	Đường bộ	2	1	1		0				2	2	
3	Hoạt động xây dựng	7	7			5	5			2	2	
4	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	13		6	7	13	13			0		
5	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	0				0	0			0		
Tổng cộng		1.569	1.388	7	174	1.456	1.456	0	0	113	113	0